

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 63 /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 16 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của
Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử
lý nước thải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2394/TTr-SXD
ngày 15 tháng 11 năm 2016.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định về quản lý thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT.(Trung) *A B C*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *K***



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /2016/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Hộ thoát nước là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống và hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

3. Đơn vị thoát nước là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

Điều 3. Hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1: Hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom,

truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát cấp 1 và cấp 2.

4. Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

- a) Hồ kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lẻ đường, cửa tràn tách nước, v.v...;
- b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm;
- c) Hồ điều hoà và kênh mương;
- d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận;
- đ) Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm;
- e) Công trình xử lý bùn cặn;

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. UBND các huyện, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) và Ban quản lý Khu kinh tế là chủ sở hữu toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn mình quản lý, bao gồm:

- a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc một phần từ ngân sách nhà nước;
- b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển hạ tầng trên địa bàn quản lý;
- c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước trên địa bàn quản lý;

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho UBND cấp huyện hoặc Ban quản lý Khu kinh tế theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho UBND cấp huyện hoặc Ban quản lý Khu kinh tế theo quy định.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết;

b) Thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

c) Được đề nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

d) Được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi quản lý;

đ) Được quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định hoặc xây dựng không đúng theo quy hoạch về thoát nước;

e) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

f) Giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký;

b) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý;

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng;

d) Bồi thường thiệt hại gây ra cho hộ thoát nước theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước;

e) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

g) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nổi trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nổi hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nổi vào cùng một vị trí đầu nổi và một hố kiểm tra.

h) Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nổi từ nhà ra tới hố kiểm tra, kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

i) Cung cấp, bàn giao 01 bộ hồ sơ, dữ liệu thoát nước đang sở hữu (bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa) cho UBND cấp huyện nơi có hệ thống thoát nước và Sở Xây dựng trong vòng 60 ngày kể từ ngày công trình được đưa vào sử dụng để quản lý.

k) Báo cáo Sở Xây dựng, UBND tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm về các nội dung công tác quản lý hệ thống thoát nước do đơn vị làm chủ sở hữu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của Hợp đồng dịch vụ thoát nước;

đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng dịch vụ thoát nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

b) Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

d) Đầu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đầu nối;

đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Các chủ sở hữu và các đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có các nội dung chính sau:

- a) Các bên ký hợp đồng;
- b) Đối tượng hợp đồng;
- c) Hồ sơ tài sản (danh mục, giá trị, chất lượng tài sản) mà chủ sở hữu bàn giao cho đơn vị thoát nước;
- d) Nội dung công việc thực hiện;
- đ) Hồ sơ quản lý mạng lưới, các công trình thoát nước, thu gom xử lý nước thải, quy trình quản lý, vận hành thoát nước và các yêu cầu kỹ thuật;
- e) Tiêu chuẩn dịch vụ;
- g) Giá trị hợp đồng; điều chỉnh giá trị hợp đồng;
- h) Nội dung thanh toán, phương thức thanh toán;
- i) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

- a) Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được ký kết 5 năm một lần giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu;
- b) Trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng 1 năm, các bên tham gia hợp đồng phải thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý vận hành và ký kết kéo dài hợp đồng (nếu tiếp tục kéo dài Hợp đồng); Thời hạn kéo dài hợp đồng không quá 5 năm kể từ ngày ký kết kéo dài hợp đồng;

4. Chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

- a) Một trong các bên vi phạm các điều khoản cam kết của hợp đồng;
- b) Khi hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng;
- c) Những trường hợp bất khả kháng hoặc các lý do khác được quy định trong hợp đồng;
- d) Những trường hợp chấm dứt hợp đồng khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

- a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được thanh toán chi phí định kỳ theo thỏa thuận;
- b) Phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận;



c) Trong trường hợp chậm thanh toán quá 15 ngày so với thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thì đơn vị thoát nước được hưởng lãi suất cao nhất của ngân hàng nơi mở tài khoản giao dịch tại thời điểm thanh toán đối với số tiền chậm thanh toán;

d) Chủ sở hữu công trình thoát nước chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu và thanh toán cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

đ) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được thanh toán từ nguồn thu tiền dịch vụ thoát nước, ngân sách hàng năm của chủ sở hữu công trình thoát nước và từ các nguồn khác.

6. Chuyển nhượng hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

Đơn vị thoát nước được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ, quyền lợi của mình trong hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước cho bên thứ ba khi có sự thỏa thuận của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 9. Quản lý hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung quản lý bao gồm:

a) Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định, thực hiện quan trắc chất lượng nước trong hệ thống.

b) Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

c) Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có) với chủ sở hữu. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Quy định tái sử dụng nước mưa:

a) Khuyến khích việc tái sử dụng nước mưa phục vụ cho các nhu cầu, góp phần giảm ngập úng, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu việc khai thác sử dụng nguồn nước ngầm và nước mặt;

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư thiết bị, công nghệ xử lý và tái sử dụng nước mưa được hỗ trợ vay vốn ưu đãi và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Việc tái sử dụng nước mưa cho các mục đích khác nhau phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước phù hợp.

Điều 10. Quản lý hệ thống hồ điều hòa

1. Việc sử dụng, khai thác hồ điều hòa vào mục đích vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch và dịch vụ khác phải được cấp có thẩm quyền cho phép; việc xây dựng, khai thác, sử dụng hồ điều hòa phải được kiểm tra giám sát theo các quy định của pháp luật.

2. Các hành vi xả nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác vào hồ điều hòa phải được kiểm soát chặt chẽ theo quy định.

3. Đơn vị thoát nước quản lý hồ điều hòa có trách nhiệm:

a) Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hòa.

b) Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa và các yêu cầu khác;

c) Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; Lập quy trình quản lý và các quy định khai thác, sử dụng hồ điều hòa.

Điều 11. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, nội dung bao gồm:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyên công để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; Kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định;

c) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quy định tại Khoản 1, Điều này và Điều 9 của Quy định này.

Điều 12. Điều kiện xả thải

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 13. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khu xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý phải đảm bảo yêu cầu:

a) Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng nước thải sau xử lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.



b) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, đảm bảo không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

2. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung

a) Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung bao gồm các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung.

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 14. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi Sở Xây dựng, UBND cấp huyện để phối hợp quản lý.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo công trình để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

5. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

Điều 15. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý.

2. Phân loại bùn thải; lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải; thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các Quy định hiện hành của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải đầu tư xây dựng công trình xử lý bùn thải; bùn thải khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Điều 16. Quản lý bùn thải bể tự hoại

1. Yêu cầu về thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại: Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại:

a) Lập hồ sơ quản lý khách hàng theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

b) Bùn thải bể tự hoại phải được vận chuyển đến khu xử lý tập trung đã được quy hoạch hoặc vị trí do cơ quan có thẩm quyền cho phép; Khuyến khích xử lý bùn thải bể tự hoại tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung trên cơ sở khả năng tiếp nhận xử lý của nhà máy, các điều kiện về môi trường và chi phí xử lý hợp lý;

c) Lập nhật ký công tác, hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại và báo cáo định kỳ với UBND cấp huyện, phải chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra như làm phát tán, rò rỉ bùn thải bể tự hoại gây ô nhiễm môi trường.

Nội dung hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Trách nhiệm của đơn vị xử lý bùn thải bể tự hoại:

a) Tiếp nhận và xử lý an toàn bùn thải bể tự hoại từ các chủ nguồn thải, từ đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển phân bùn thải bể tự hoại trên cơ sở hợp đồng được ký kết giữa các bên;

b) Lập hồ sơ theo dõi định kỳ lượng bùn thải bể tự hoại tiếp nhận để xử lý. Nội dung hồ sơ quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

c) Xử lý bùn thải bể tự hoại phải đảm bảo các quy định về môi trường; các loại khí thải, nước thải, bùn, tro, xỉ phải được phân tích, quan trắc nhằm đánh giá theo dõi đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.

Điều 17. Các chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

1. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT. . . Mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được hưởng các chính sách khuyến khích và ưu đãi

theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh và các chính sách ưu đãi đầu tư khác hiện hành.

Chương III **DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC**

Điều 18. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Các hộ thoát nước phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi đấu nối và xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng theo quy định.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước bao gồm nội dung chính sau:

- a) Các bên ký kết hợp đồng;
- b) Xác định vị trí điểm đấu nối;
- c) Khối lượng, chất lượng nước thải xả vào hệ thống;
- d) Phân loại hộ thoát nước theo quy định;
- đ) Chất lượng dịch vụ;
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- g) Giá sử dụng dịch vụ thoát nước, phương thức thanh toán;
- h) Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng;

Điều 19. Đấu nối hệ thống thoát nước

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đấu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước;

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

2. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung, cụm công nghiệp và khu công nghiệp đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đấu nối của hệ thống thoát nước đô thị.

3. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng sau khi đã có hồ sơ thỏa thuận của đơn vị thoát nước và chủ sở hữu công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

4. Hồ sơ thỏa thuận đấu nối gồm: Đơn xin đấu nối; Bản vẽ hiện trạng, bản vẽ thiết kế hệ thống thoát nước trong khuôn viên của hộ thoát nước và vị trí đấu nối với hệ thống thoát nước công cộng.

5. Cao độ của điểm đấu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào. Hộ thoát nước đấu nối phải tự bỏ kinh phí của mình để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết tránh nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước công cộng vào.

6. Tại vị trí điểm đấu nối phải bố trí hộp đấu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối; đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải. Hộp đấu nối được xây dựng trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công với đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước. Đơn vị thoát nước thực hiện thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đấu nối.

7. Hộ thoát nước tự lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, tự chịu chi phí để tổ chức thi công cải tạo và đấu nối hệ thống thoát nước thải (kể cả nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ tắm giặt, nhà bếp) đến điểm đấu nối, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

8. Các hộ thoát nước đều được cung cấp:

a) Một vị trí đấu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước chung;

b) Một vị trí đấu nối vào cống thoát nước thải và một vị trí đấu nối vào cống thoát nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước riêng.

9. Hệ thống vệ sinh riêng của hộ thoát nước xả thải kể từ công trình trong nhà tới hố kiểm tra thuộc về trách nhiệm của hộ thoát nước đấu nối, kể cả xây dựng, vận hành và bảo dưỡng.

10. Kinh phí đấu nối, nghĩa vụ tài chính đấu nối của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và hộ thoát nước:

a) Hộ thoát nước tự chịu kinh phí đầu tư xây dựng và quản lý công trình thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở của mình đến hộp đấu nối (bao gồm đường ống thoát nước, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đối với hộ không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, các thiết bị bảo vệ);

b) Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định các điểm đấu nối, xây dựng hộp đấu nối, lắp đặt đấu nối. Kinh phí xây dựng điểm đấu nối và lắp đặt đấu nối do chủ sở hữu chi trả.

Điều 20. Hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước

1. Đối tượng được hỗ trợ: hộ gia đình có công, gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo.

2. Phương thức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí lắp đặt từ hố kiểm tra đến vị trí đường ống thoát nước trong phạm vi phần đất của hộ gia đình;



b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương, từ các dự án đầu tư hoặc từ nguồn vốn của đơn vị thoát nước.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, UBND cấp huyện quyết định mức hỗ trợ đầu nối cho các đối tượng cụ thể.

Điều 21. Làm sạch và hút hầm cầu

1. Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị thoát nước có thể tham mưu về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 22. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

2. Đơn vị thoát nước có quyền lấy mẫu nước thải trong hồ kiểm tra của hộ thoát nước bất cứ lúc nào; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải có thể sử dụng làm cơ sở để tính giá dịch vụ thoát nước.

Điều 23. Quy định về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng

1. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 13 của Quy định này.

2. Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 24. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với hộ gia đình vi phạm các quy định quản lý về thoát nước thì bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đơn vị thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ các trường hợp được quy định trong hợp đồng quản lý, vận hành.

2. Đối với các hộ thoát nước khác vi phạm các quy định về thoát nước, đơn vị thoát nước thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước thực hiện việc ngừng dịch vụ thoát nước theo các điều, khoản được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước; đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày (kể từ khi sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 25. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá dịch vụ thoát nước do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt. Riêng đối với khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp thì giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và quyết định về mức giá; trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Ban quản lý Khu kinh tế (đối với khu công nghiệp, khu kinh tế được UBND tỉnh giao quản lý) hoặc Sở Công thương (đối với cụm công nghiệp) và Sở Tài chính.

Chương IV TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 26. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh (trừ khu kinh tế và các khu công nghiệp), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh;

d) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định;

e) Chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

g) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp;

h) Thực hiện chức năng, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp theo quy định;

i) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị;

k) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ khu kinh tế và các khu công nghiệp đã được UBND tỉnh giao Ban quản lý Khu kinh tế quản lý).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân quyền đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

d) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải (nếu có), trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 25 Quy định này, trình UBND tỉnh quyết định;

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu, quản lý và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hàng năm tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển xây dựng các dự án thoát nước và xử lý nước thải; tham mưu UBND tỉnh bố trí thực hiện khi kế hoạch đầu tư công được thông qua.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

d) Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức,

cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định;

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì và phối hợp với các cơ đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

8. Sở Công thương

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

9. Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước theo quy định.

10. Ban quản lý khu kinh tế

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu kinh tế và các khu công nghiệp đã được UBND tỉnh giao quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt;

c) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu kinh tế và các khu công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong khu kinh tế và các khu công nghiệp;

e) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong khu kinh tế và các khu công nghiệp.

g) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu kinh tế và các khu công nghiệp theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

Điều 27. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hộ thoát nước.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

4. Tiếp nhận hệ thống thoát nước do các tổ chức, cá nhân bàn giao.

5. Tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện theo nội dung quy định về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

7. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND cấp xã

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

3. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *K*



Nguyễn Văn Trâm